BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

CỦNG CỐ LẠI NỀN GIÁ TRÊN MA20 NGÀY, TRƯỚC KHI THỬ THÁCH VÙNG CẢN 1770 ĐIỂM

12/11/2026

VN-Index	**1746.9 (0.22%)**
735 Tr. cổ phiếu	13913.3 Tỷ VND (-18.00%)
HNX-Index	**255.73 (-0.21%)**
37 Tr. cổ phiếu	612.1 Tỷ VND (-54.86%)
UPCOM-Index	**121.57 (0.13%)**
32 Tr. cổ phiếu	620.6 Tỷ VND (11.06%)
VN30F1M	**1850.00 (-0.34%)**
185,533 HD	OI: 32,323 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** VN-Index đóng cửa phiên tại 1746.9 điểm, tăng 3.8 điểm (+0.22%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30, HNX-Index.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số kết phiên tăng nhẹ với động lực chính đến từ nhóm Vin, trong khi thanh khoản giảm đáng kể so với phiên trước, hàm ý đà phục hồi vẫn còn lưỡng lự.
- Dòng tiền ghi nhận diễn biến tích cực tại nhóm Bất động sản (VIC, +1.3%), Điện, nước & xăng dầu khí đốt (GAS, +1.8%), Bán lẻ (DMX, +1.5%), Tài nguyên Cơ bản (HPG, +0.5%); trong khi Thực phẩm và đồ uống (MCH, -2.6%), Dịch vụ tài chính VCK, -0.5%), Dầu khí (BSR, -0.6%) chịu áp lực điều chỉnh. Về tác động, VIC, VHM, VCB, GAS đóng góp tích cực nhất cho chỉ số, trái lại MCH, VPB, STB, VNM tạo sức ép giảm điểm.
- Khối ngoại mua ròng hơn 70 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, POW, VHM, trong khi bán ròng ở FPT, NVL, ACB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến giằng co Spinning Top. Đà tăng được dẫn dắt bởi nhóm Vin, trong khi thanh khoản giảm đáng kể so với phiên trước, hàm ý dòng tiền vẫn thận trọng. Về mặt kỹ thuật, giá có lúc vượt trên ngưỡng 1750 nhưng không giữ được đà. Diễn biến này cho thấy áp lực cung vẫn hiện hữu khi chỉ số tiếp cận vùng cao. Do đó, thị trường nhiều khả năng cần tích lũy thêm động lượng quanh MA20 ngày trước khi hướng đến thử thách vùng kháng cự mạnh 1760 - 1770 điểm. Nếu vượt thành công khu vực cản này, VN-Index có thể hoàn thành mẫu hình 2 đáy trung hạn và xác nhận thoát khỏi nhịp điều chỉnh. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần cho xu hướng hiện quanh mức 1710 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co quanh khu vực 255 - 260 điểm. Đà phục hồi được xác nhận khi chỉ số vượt trên ngưỡng 262, khi đó, mục tiêu có thể hướng tới kiểm định lại vùng cản 270.
- **Chiến lược:** Theo dõi thêm phản ứng của VN-Index khi tiếp cận vùng cản, chỉ nên cân nhắc gia tăng tỷ trọng khi chỉ số bứt phá thành công. Đối với các cổ phiếu đã phục hồi tốt và đang tiến sát vùng kháng cự mạnh, NĐT có thể cân nhắc chốt lời từng phần. Trong khi đó, với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, cơ hội giao dịch ngắn hạn vẫn có thể được tìm kiếm tại những nhóm ngành duy trì sức mạnh dòng tiền như Đầu tư công, Bất động sản và Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,746.9	0.2%	0.8%	0.7%	13,913.3	-18.0%	-22.7%	-49.6%	735.0	-20.8%	-19.2%	-19.5%
HNX-Index	255.7	-0.2%	-0.8%	-2.2%	612.1	-54.9%	-40.7%	-42.8%	37.1	-56.8%	-51.8%	-47.2%
UPCOM-Index	121.6	0.1%	-0.8%	-2.1%	620.6	11.1%	-7.6%	1.8%	32.0	11.0%	-15.3%	-17.3%
VN30	1,855.3	-0.3%	-0.4%	-1.0%	7,077.4	-15.0%	-22.3%	-65.9%	258.2	-16.4%	-24.0%	-44.8%
VNMID	1,872.8	0.0%	1.2%	3.8%	5,983.4	-19.6%	-21.4%	2.5%	361.9	-24.5%	-25.1%	-1.4%
VNSML	1,226.2	0.1%	-0.2%	0.3%	568.9	-35.0%	-42.0%	-29.1%	48.8	-37.7%	-33.8%	-22.2%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	606.2	0.0%	0.39%	-0.4%	5,478.0	1.4%	9.8%	7.0%	275.1	1.2%	11.4%	8.1%
Bất động sản	1,009.9	1.0%	3.32%	5.6%	2,094.9	-27.4%	-19.4%	-16.0%	105.1	-38.8%	-32.1%	-17.0%
Dịch vụ tài chính	258.7	-0.3%	0.32%	5.7%	1,412.3	-54.5%	-48.7%	-29.9%	83.6	-56.7%	-49.5%	-30.9%
Công nghiệp	226.3	0.3%	-1.06%	-4.1%	914.8	25.8%	2.4%	-13.0%	40.8	33.7%	4.5%	-4.7%
Tài nguyên cơ bản	473.6	0.5%	-1.47%	6.2%	423.2	-33.3%	-34.4%	-39.9%	27.6	-27.8%	-28.1%	-32.6%
Xây dựng - Vật Liệu	152.9	-0.1%	-1.05%	1.6%	712.2	0.0%	8.5%	28.9%	46.2	9.3%	18.0%	35.0%
Thực phẩm	469.6	-1.2%	-2.07%	-5.2%	800.1	-8.8%	-8.3%	-19.2%	21.5	-12.2%	-8.5%	-20.6%
Bán Lẻ	1,427.6	0.5%	0.29%	-1.9%	257.2	-19.9%	-32.7%	-54.1%	3.7	-21.6%	-33.1%	-52.0%
Công nghệ	305.0	-0.1%	-5.34%	-11.3%	340.7	-26.3%	-28.4%	-35.8%	7.4	-64.4%	-40.8%	-34.7%
Hóa chất	156.4	-0.6%	-2.02%	-8.8%	149.7	-41.0%	-29.1%	-42.3%	6.6	-34.5%	-27.7%	-38.5%
Tiện ích	724.1	1.3%	0.06%	-3.0%	509.7	35.3%	36.9%	88.3%	31.9	46.2%	47.0%	135.3%
Dầu khí	100.2	-0.5%	-4.16%	-16.4%	334.4	-28.6%	-18.47%	-32.7%	15.7	-20.1%	-12.4%	-20.9%
Dược phẩm	372.7	0.2%	0.18%	-3.9%	70.6	-5.5%	55.7%	45.9%	2.8	28.8%	46.9%	33.3%
Bảo hiểm	101.6	0.6%	1.69%	-12.6%	43.3	-18.8%	-15.9%	-36.6%	0.7	-24.4%	-19.7%	-41.9%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,746.9	0.22%	-2.1%	11.6x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,502	0.39%	19.2%	14.4x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,115	-0.21%	-40.8%	9.3x	0.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,878	-0.13%	-3.5%	14.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,693	-0.40%	-5.9%	8.6x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,681	0.46%	-7.3%	16.8x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	24,316	-0.98%	-5.1%	12.4x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	61,249	1.31%	21.7%	21.5x	2.7x
S&P 500	Mỹ	7,521	-0.38%	9.9%	25.8x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	52,232	-0.30%	8.7%	22.7x	6.1x
FTSE 100	Anh	10,776	0.22%	8.5%	15.1x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,363	0.55%	9.9%	17.2x	2.5x
DXY		102.5	0.82%	4.2%		
USDVND		25,648	0.191%	-2.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

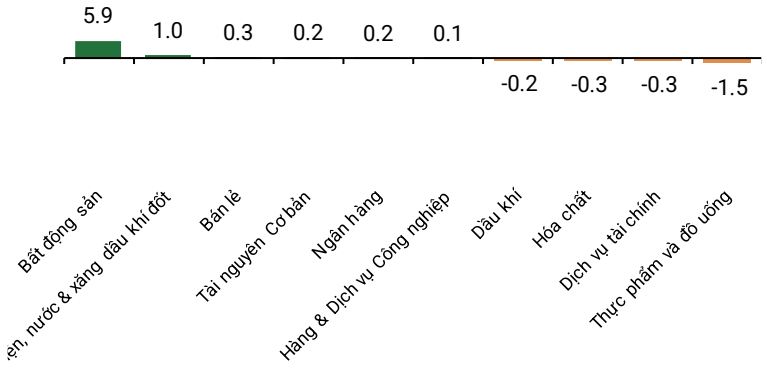
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	2.04%	-10.8%	53.4%	43.3%
Dầu WTI	1.30%	-5.1%	51.8%	42.8%
Khí gas	0.5%	2.9%	-10.1%	-27.4%
Than cốc (*)	0.0%	-4.9%	34.7%	26.0%
Thép HRC (*)	-0.1%	-3.0%	-2.4%	-2.8%
PVC (*)	-0.3%	-1.1%	7.0%	6.4%
Phân Urea	0.0%	0.5%	16.8%	10.5%
Cao su thiên nhiên	3.4%	-6.2%	38.1%	46.0%
Bông Cotton	0.1%	-2.2%	22.6%	23.3%
Đường	0.4%	-10.3%	21.1%	27.5%
World Container Index	0.0%	0.9%	98.3%	124.1%
Baltic Dirty tanker Index	-6.4%	-37.9%	274.8%	254.4%
Vàng	0.41%	-3.5%	-6.3%	-1.9%
Bạc	2.81%	-12.9%	-26.1%	3.4%

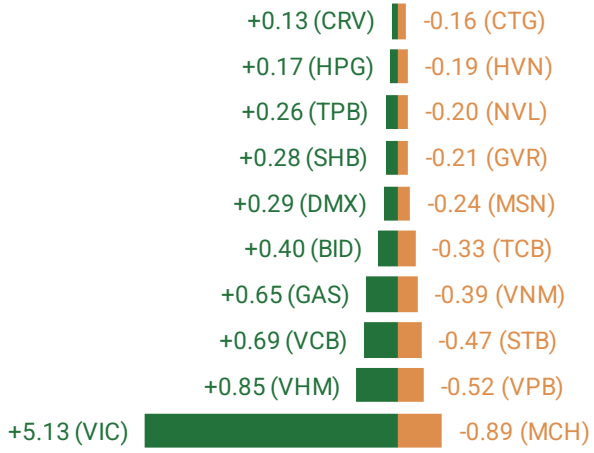
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

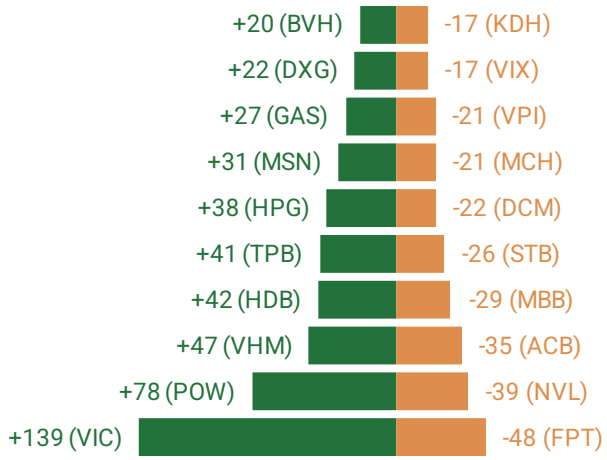
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



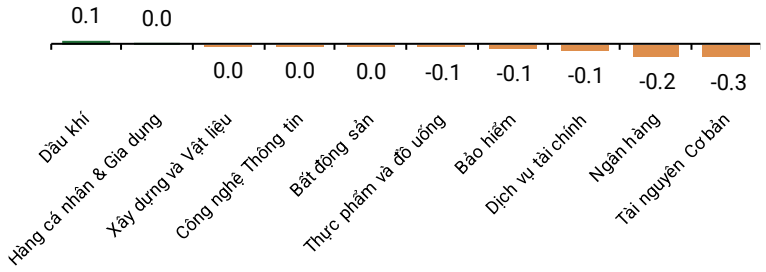
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



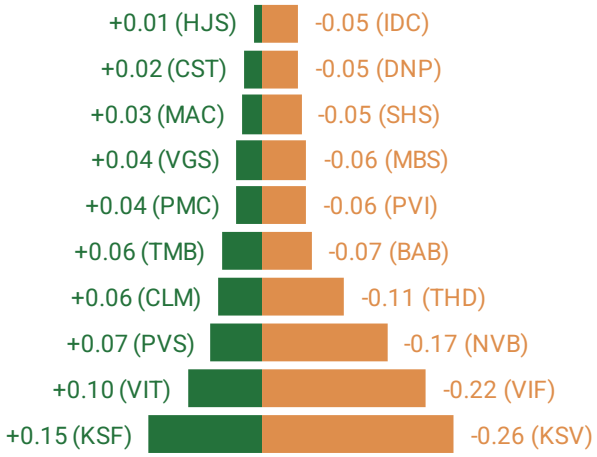
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



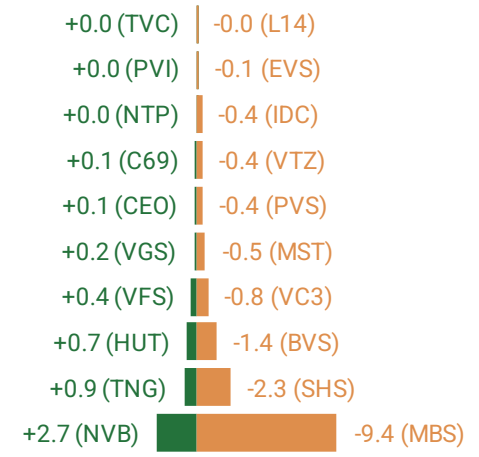
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



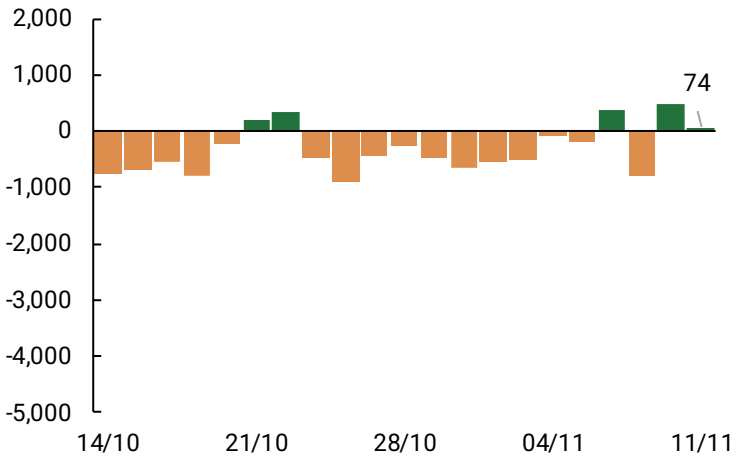
	SHB	VIC	TPB	FPT	VIX
%DoD	2.3%	1.3%	3.1%	0.0%	-0.7%
Giá trị	675	430	364	333	317

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	EIB	CTG	TCB	KBC
%DoD	0.3%	0.3%	-0.3%	-0.7%	0.0%
Giá trị	1,137	297	267	247	244

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



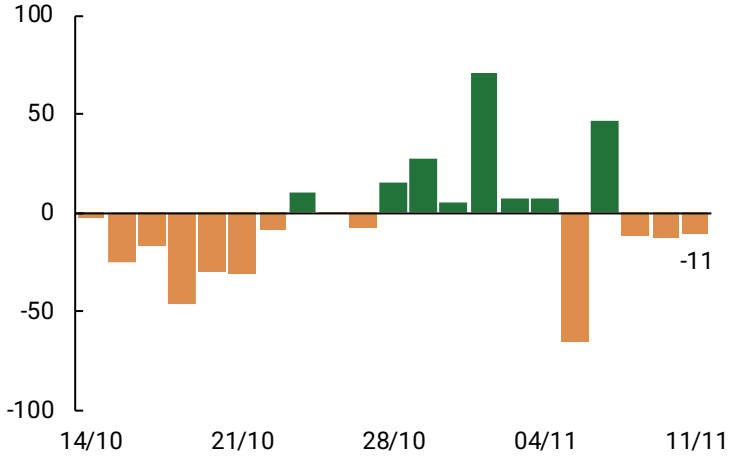
	SHS	CEO	MBS	VC3	PVS
%DoD	-0.7%	0.0%	-0.6%	0.4%	0.7%
Giá trị	100	69	51	47	46

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	PMC	HUT	PVS	LAS	ADC
%DoD	5.3%	0.0%	0.7%	0.0%	0.0%
Giá trị	63	16	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 l 1710.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

Kịch bản: Tâm lý thị trường cải thiện và chỉ số đã bứt phá thành công ngưỡng 1730 điểm, tương ứng mốc MA20 ngày. Vận động tiếp tục giữ được đà và có xu hướng củng cố lại nền giá sau khi bứt phá. Diễn biến cho thấy đà phục hồi có thể tiếp diễn và quay lại kiểm định vùng kháng cự mạnh của xu hướng, quanh 1760 – 1770 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần hiện quanh mốc 1710 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 l 1830
- ✓ Kháng cự: 1870 l 1920.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Trạng thái giằng co tiếp tục chi phối, khi thanh khoản ở mức thấp và VN30 vẫn đóng cửa trong sắc đỏ. Điều này hàm ý dòng tiền chưa phục hồi tích cực ở nhóm vốn hóa lớn. Đà phục hồi sẽ được củng cố khi chỉ số vượt được ngưỡng 1870, khi đó mục tiêu hướng tới vùng 1910. Hỗ trợ gần hiện quanh mức 1830 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1850.0, giảm 6.3 điểm (-0.3%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian nhưng lực mua đã trở lại mạnh mẽ về cuối phiên chiều, giúp thu hẹp đà giảm.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu nhưng vẫn còn giữ vận động phía trên, bên cạnh RSI vẫn giữ vận động quanh ngưỡng trung bình, hàm ý xu hướng hạ nhiệt lành mạnh, nghiêng về củng cố đà phục hồi. Nếu giá bứt phá được trên vùng kháng cự 1855, quán tính tăng có thể tiếp diễn. Trái lại, nếu giá mất ngưỡng 1840, áp lực điều chỉnh khả năng mở rộng.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1770.7, giảm 10.3 điểm (-0.6%). Độ lệch basis 8.9 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 8 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1760 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1780 điểm.

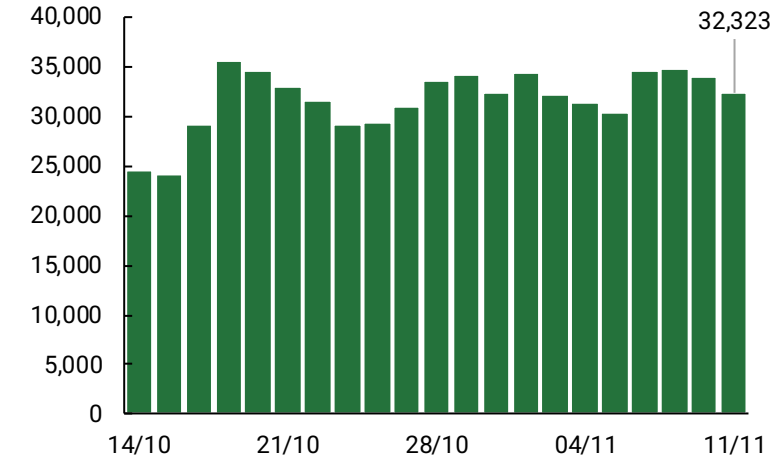
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1855	1869	1848	14 : 7
Short	< 1840	1826	1848	14 : 8

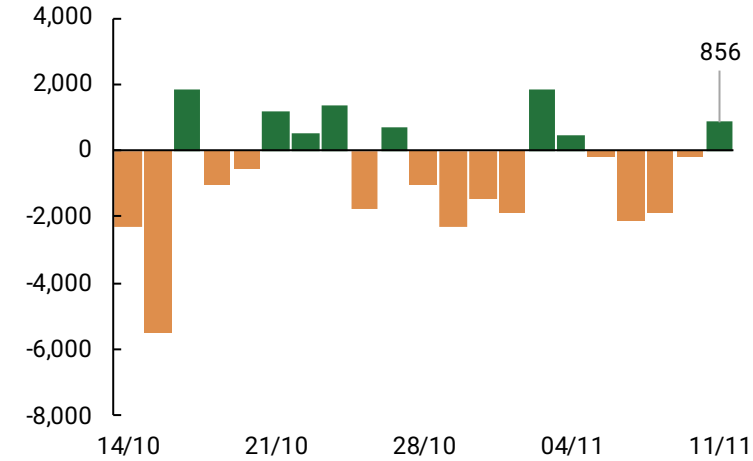
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,840.0	-19.1	20	64	1,874.3	-34.3	17/06/2027	218
41I1H3000	1,845.6	-6.8	53	321	1,866.3	-20.7	18/03/2027	127
41I1GC000	1,847.2	-9.8	464	3,353	1,858.4	-11.2	17/12/2026	36
41I1GB000	1,850.0	-6.3	185,533	32,323	1,856.0	-6.0	19/11/2026	8
41I2GB000	1,770.7	-10.3	8	34	1,780.3	-9.6	19/11/2026	8

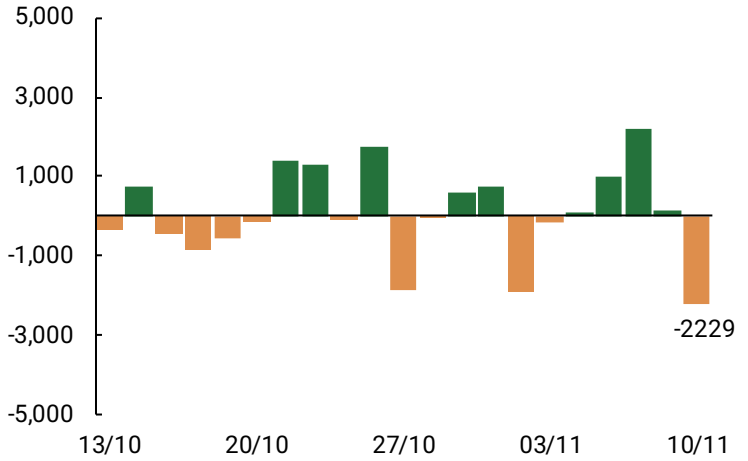
Khối lượng mở (Open interest)



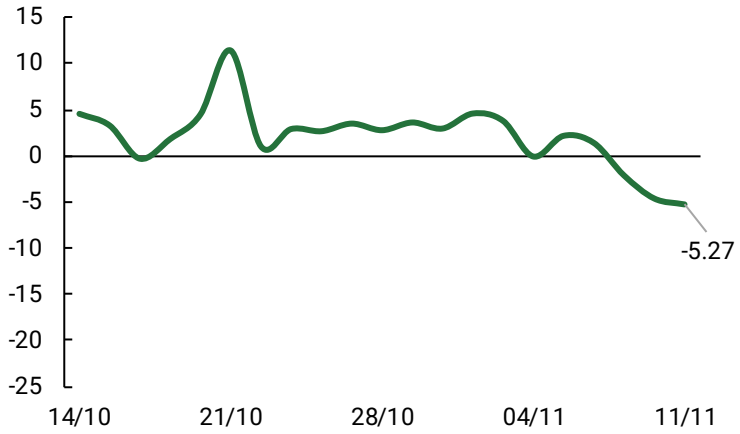
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



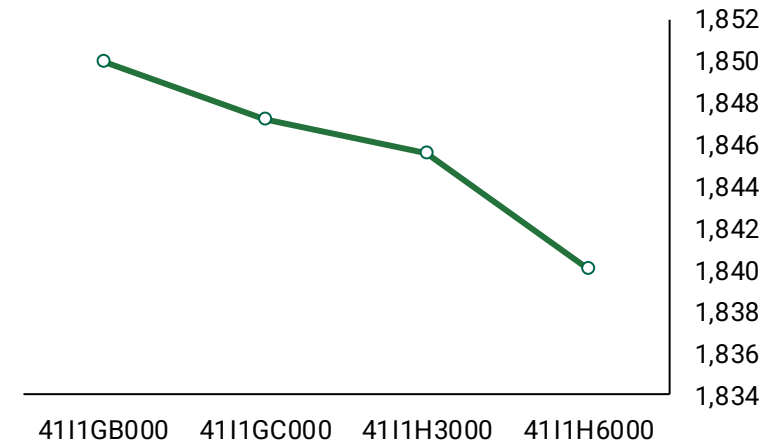
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



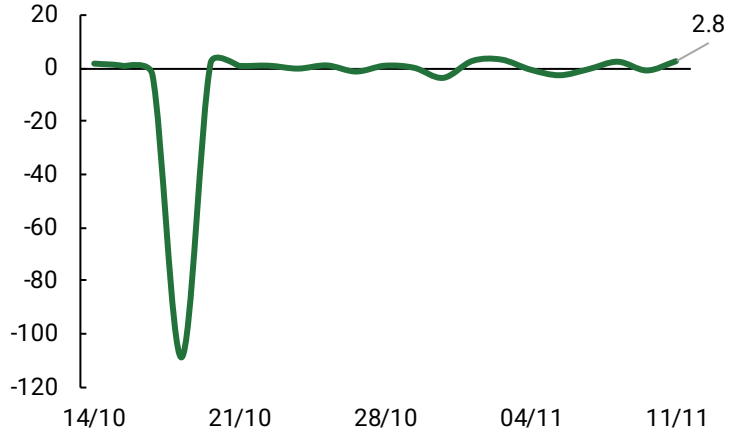
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	25,300	31,150	23.1%	Mua
CTD	71,000	79,600	12.1%	Tăng tỷ trọng
CTG	31,800	39,700	24.8%	Mua
DBD	45,500	56,700	24.6%	Mua
DDV	15,472	29,000	87.4%	Mua
DGW	39,200	48,300	23.2%	Mua
DHC	36,900	42,900	16.3%	Tăng tỷ trọng
DPG	32,500	42,900	32.0%	Mua
FRT	148,000	177,400	19.9%	Tăng tỷ trọng
GMD	53,600	62,600	16.8%	Tăng tỷ trọng
HAH	48,200	55,800	15.8%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,350	28,700	34.4%	Mua
MBB	19,400	25,200	29.9%	Mua
MCH	124,400	148,500	19.4%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	73,700	108,800	47.6%	Mua
NT2	23,500	24,800	5.5%	Nắm giữ
POW	12,700	15,500	22.0%	Mua
PVT	20,950	26,000	24.1%	Mua
SSI	20,550	31,200	51.8%	Mua
TCB	21,850	26,200	19.9%	Tăng tỷ trọng
TCH	13,600	14,200	4.4%	Nắm giữ
TLG	53,000	59,700	12.6%	Tăng tỷ trọng
VCB	54,200	72,100	33.0%	Mua
VPB	22,300	29,500	32.3%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

Tổng tài sản hệ thống tổ chức tín dụng vượt 30 triệu tỷ đồng tại cuối tháng 9/2026: Theo NHNN, đến 30/9/2026, tổng tài sản có của toàn hệ thống đạt 30,892,302 tỷ đồng, tăng 10.06% so với cuối năm 2025; khối ngân hàng TMCP tăng 13.39%, chiếm khoảng 47.5% tổng tài sản. Vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 1,372,904 tỷ đồng. Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi giảm từ 77.06% xuống 76.07% trong quý 3.

CPI Mỹ tháng 10 tăng 0.4%, cao hơn dự báo; lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng mạnh: CPI lõi tăng 0.3%, dự báo là 0.2%. Sau báo cáo, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng mạnh, áp lực bán còn gia tăng do kết quả kém khả quan của phiên đấu giá 42 tỷ USD trái phiếu. Trước đó, Thống đốc Fed Waller cho biết sẽ cân nhắc ủng hộ tăng lãi suất 50 điểm cơ bản tại cuộc họp tháng 12 nếu số liệu lạm phát cao hơn dự kiến.

ADB: Đông Nam Á cần khoảng 7,100 tỷ USD đầu tư hạ tầng đến năm 2040: Theo báo cáo ADB công bố ngày 10/11, nhu cầu đầu tư hạ tầng của khu vực bình quân 476 tỷ USD/năm giai đoạn 2026–2040, tương đương 8.7% GDP; nguồn vốn ngân sách hiện chỉ đáp ứng khoảng 45%, để lại khoảng trống tài chính 264 tỷ USD/năm. Điện và giao thông chiếm 85% tổng nhu cầu, tương ứng 3,600 tỷ USD và 2,500 tỷ USD.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VPB - VPBank công bố khoản vay hợp vốn quốc tế 730 triệu USD do IFC và SMBC thu xếp: Ngày 10/11, VPBank tổ chức lễ công bố khoản vay hợp vốn tương đương gần 19,000 tỷ đồng, gồm các kỳ hạn 3, 5 và 7 năm, giải ngân theo nhiều đợt. Nguồn vốn dùng để mở rộng tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), SME do phụ nữ làm chủ và SME nông nghiệp. Giao dịch có sự tham gia của nhiều định chế tài chính phát triển, ngân hàng xuất nhập khẩu và ngân hàng thương mại quốc tế như DEG, Proparco, China Eximbank và Korea Eximbank.

POW - PV Power nâng kế hoạch LNST năm 2026 lên 4,973 tỷ đồng, gấp hơn 4.4 lần mục tiêu ban đầu: Tổng doanh thu kế hoạch được nâng lên 53,308 tỷ đồng (+7%), LNTT lên 5,568 tỷ đồng; riêng công ty mẹ đặt LNTT 4,695 tỷ đồng, gấp gần 4 lần kế hoạch cũ, giá trị đầu tư được nâng 46% lên 2,545 tỷ đồng. Việc điều chỉnh được đưa ra sau khi quý 3/2026 doanh thu thuần tăng 114% YoY lên khoảng 16,772 tỷ đồng, LNST tăng 119% lên hơn 2,073 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, LNST gần 6,899 tỷ đồng, vượt khoảng 39% kế hoạch mới.

TCB - Techcombank hoàn tất phát hành hơn 3.54 tỷ cổ phiếu trả cổ tức, dẫn đầu hệ thống về vốn điều lệ: Đợt phát hành tỷ lệ 50% kết thúc ngày 30/10, nguồn từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2025, nâng vốn điều lệ từ 70,862.4 tỷ đồng lên 106,293.6 tỷ đồng, vượt MB (100,687.5 tỷ đồng) và VPBank (100,000 tỷ đồng). Ngày 13/10, NHNN đã chấp thuận cho Techcombank tăng vốn tối đa 35,730.97 tỷ đồng, gồm cả 299.77 tỷ đồng từ chương trình ESOP; nếu hoàn tất cả hai đợt, vốn điều lệ dự kiến đạt khoảng 106,593 tỷ đồng.

CDC - Chương Dương Corp thông qua phương án phát hành gần 7.4 triệu trái phiếu chuyển đổi, huy động khoảng 738.8 tỷ đồng: Trái phiếu kỳ hạn 30 tháng, lãi suất cố định 10.4%/năm, chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:7 với giá 100,000 đồng/trái phiếu, dự kiến phát hành từ quý 4/2026 đến quý 2/2027. Giá chuyển đổi bằng 75% giá đóng cửa bình quân 30 phiên trước mỗi đợt.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801